QUY ĐỊNH HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP THÔNG TIN KHÁCH HÀNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG CHO BÊN THỨ BA - THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT

PHAN LÊ NGỌC CHÂU*

Môi trường kinh doanh ngày càng biểu hiện rõ sự cạnh tranh nhằm đáp ứng những nhu cầu và yêu cầu đòi hỏi của khách hàng, do vậy, cần phải tạo ra nhiều loại hàng hóa và dịch vụ mới. Việc nghiên cứu hoạt động cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng cho bên thứ ba là rất cần thiết để ngăn chặn sự suy giảm hay mất đi lợi thế cạnh tranh do những thông tin này đem lại. Một ngân hàng thành công phải bảo vệ tài sản hay thông tin bí mật của mình, đồng thời vẫn phải bảo đảm tuân theo quy định của Nhà nước về cung cấp thông tin nếu có yêu cầu của cơ quan chức năng nhằm phòng, chống tội phạm, bảo vệ trật tự an toàn xã hội.

Từ khóa: *Quy định cung cấp thông tin; bảo mật thông tin khách hàng; tổ chức tín dụng; bên thứ ba; dịch vụ ngân hàng số.*

In the competitive business environment, creating new products and services to meet customers' needs and requirements is crucial. Researching the provision of customer information by credit institutions to third parties is necessary to prevent the decrease or loss of competitive advantage that such information confer. A successful bank must protect their assets and confidential information while ensuring compliance with state regulations on information disclosure, especially when required by authorities for crime prevention and public order protection.

Keywords: *Information disclosure regulations; customer information protection; credit institutions; third parties; digital banking services.*

NGÀY NHẬN: 17/6/2024 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 17/8/2024 NGÀY DUYỆT: 18/9/2024

DOI: https://doi.org/10.59394/qlnn.344.2024.959

1. Đặt vấn đề

Theo quy định của pháp luật, những thông tin của khách hàng phải được tổ chức tín dụng giữ bảo mật và không được cung cấp thông tin này cho bất kỳ chủ thể nào. Trên thực tế, thời gian qua đã có những phát sinh theo cam kết trong hợp đồng hoặc do pháp luật quy định khi khách hàng xác lập, thực hiện, chấm dứt giao dịch với tổ chức tín dụng do phát sinh "xung đột" giữa các lợi ích.

Ở Việt Nam, Điều 21 *Hiến pháp* năm 2013 quy định: "Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá

* *ThS, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh*

nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn".

Việc xác định cụ thể về phạm vi cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng là bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng; điều này thể hiện vai trò quan trọng của tổ chức tín dụng không chỉ trong xây dựng, tạo được niềm tin của khách hàng mà còn đối với cả hệ thống tín dụng của quốc gia. Trách nhiệm này không phải là tuyệt đối mà cần có những quy định được xây dựng trên lợi ích chung của toàn thể xã hội để giải quyết các tình huống và hoàn cảnh khác nhau.

2. Quy định của pháp luật về hoạt động cung cấp thông tin khách hàng của các tổ chức tín dụng cho bên thứ ba

a. Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tổ chức tín dụng cung cấp thông tin khách hàng theo quy định của pháp luật

Một là, tổ chức tín dụng thực hiện nghĩa vụ cung cấp thông tin khách hàng cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 quy định tại khoản 1 Điều 88: cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp những tài liệu, đồ vật, trình bày những tình tiết làm sáng tỏ vụ án. Điều này minh chứng cho tổ chức tín dụng được thực hiện cung cấp thông tin bảo mật của khách hàng theo yêu cầu của cơ quan nói trên. Tại khoản 2 Điều 9 *Luật Tố tụng hành chính* năm 2015 quy định: "Tòa án có trách nhiệm hỗ trợ đương sự trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ và tiến hành thu thập, xác minh chứng cứ; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án hoặc đương sự theo quy định của *Luật* này".

Theo quy định trên, tổ chức tín dụng phải thực hiện cung cấp thông tin bảo mật của khách hàng cho các cơ quan có thẩm quyền để có những chứng cứ liên quan (quy định tại Điều 7 *Bộ luật Tố tụng dân sự* năm 2015 về trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và Điều 10 *Luật Tố tụng hành chính* năm 2015 về nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền).

Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) quy định "Chấp hành viên" có quyền thực hiện xác minh tài sản, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án; yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu để xác minh địa chỉ tài sản của người phải thi hành án hoặc phối hợp với cơ quan có liên quan xử lý vật chứng, tài sản và những việc khác liên quan đến thi hành án (khoản 4 Điều 20).

Hai là, tổ chức tín dụng cung cấp thông tin khách hàng cho cơ quan thanh tra được quy định trong *Luật Thanh tra* năm 2010. Trong quá trình thanh tra, khi xét thấy cần thiết, người được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành được quyền đưa ra các yêu cầu, đòi hỏi với đối tượng thanh tra và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thực hiện một hoặc một số công việc nhất định trong khuôn khổ pháp luật quy định để thực hiện nhiệm vụ thanh tra. Đồng thời, yêu cầu tổ chức tín dụng nơi đối tượng thanh tra có tài khoản phong tỏa tài khoản đó để phục vụ việc thanh tra khi có căn cứ cho rằng đối tượng thanh tra có hành vi tẩu tán tài sản (Điều 46, Điều 53).

Như vậy, khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu tổ chức tín dụng cung cấp thông tin bảo mật, tài liệu liên quan đến đối tượng thanh tra thì tổ chức tín dụng phải cung cấp đầy đủ, kịp thời theo luật định.

Ba là, thực hiện việc cung cấp thông tin khách hàng theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tại khoản 2 Điều 12 *Luật Các*

tổ chức tín dụng năm 2024: "... có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước". Theo đó, cung cấp cho Trung tâm Thông tin tín dụng (CIC) là tổ chức sự nghiệp nhà nước thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có chức năng thu nhận, lưu trữ, phân tích, xử lý, dự báo thông tin tín dụng phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước; thực hiện các dịch vụ thông tin ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật. CIC có quyền và nghĩa vụ thu nhận, xử lý, lưu giữ, bảo mật thông tin tín dụng về khách hàng theo Hệ thống chỉ tiêu thông tin tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT- NHNN ngày 31/12/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Bốn là, cung cấp thông tin khách hàng liên quan đến hoạt động kiểm toán, từ đó góp phần tích cực, có hiệu quả vào cuộc đấu tranh chống gian lận, tham nhũng và lãng phí, hạn chế thất thoát tài sản, tiền bạc của người dân, của đất nước.

Để thực hiện quy định này, các đơn vị được kiểm toán, trong đó có các tổ chức tín dụng phải cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết để thực hiện việc kiểm toán theo yêu cầu của Kiểm toán nhà nước, kiểm toán viên nhà nước và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, khách quan của thông tin, tài liệu đã cung cấp (khoản 3 Điều 57 *Luật Kiểm toán nhà nước* năm 2015). Cụ thể là cung cấp cho Kiểm toán nhà nước các thông tin được quy định trong Phụ lục 2: Hướng dẫn chi tiết nội dung, phương pháp - thủ tục kiểm toán hoạt động tín dụng của các ngân hàng thương mại khi được kiểm toán nhà nước yêu cầu (Điều 17 Quyết định số 11/2017/QĐ-KTNN ngày 21/11/2017 của Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành quy trình kiểm toán các tổ chức tài chính, ngân hàng). Như vậy, theo quy định của các văn bản này thì Kiểm toán nhà nước cũng có quyền yêu cầu tổ chức tín dụng cung cấp thông tin khách hàng của mình.

Năm là, tổ chức tín dụng phải cung cấp thông tin khách hàng liên quan đến quy định về thuế cho cơ quan quản lý thuế (gồm: Tổng cục Thuế, Cục thuế, Chi cục Thuế) và cơ quan hải quan (Tổng cục Hải quan, Cục hải quan, Chi cục Hải quan) quy định tại khoản 2 Điều 2 *Luật Quản lý thuế* năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2012). Các cơ quan này có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế và phối hợp với cơ quan quản lý thuế để thực hiện pháp luật về thuế; kiểm tra thuế, thanh tra thuế; cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế. Điều 27 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định cụ thể công ty kiểm toán độc lập có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến thỏa thuận với người nộp thuế và tài liệu làm căn cứ xác định nghĩa vụ thuế theo quy định tại *Luật Quản lý thuế* và pháp luật có liên quan khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế.

Sáu là, cung cấp thông tin khách hàng liên quan đến quá trình giải quyết việc phá sản. Trong thủ tục phá sản, các chủ thể sau cũng có quyền thu thập thông tin từ tổ chức tín dụng có liên quan đến tài sản của người bị phá sản, quy định rõ tại khoản 1 Điều 7 *Luật Phá sản* năm 2014, trong đó xác định chủ nợ, doanh nghiệp, hợp tác xã, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, có quyền yêu cầu tổ chức tín dụng đang lưu giữ tài liệu, chứng cứ có liên quan đến tài sản phá sản của cá nhân, doanh nghiệp, đang mắc nợ phải có nghĩa vụ cung cấp thông tin liên quan đến tài sản.

b. Được cung cấp thông tin bảo mật khi được sự đồng ý của khách hàng

Nghị định số 117/2018/NĐ-CP quy định rõ trách nhiệm của tổ chức tín dụng cung cấp thông tin khách hàng cho chính khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng đó; có nghĩa vụ bảo mật các thông tin khách hàng khi khách hàng thực hiện các giao dịch trên ngân hàng số; không được cung cấp thông tin xác thực khách hàng khi truy cập các dịch vụ ngân hàng bao gồm mã khóa bí mật, dữ liệu sinh trắc học, mật khẩu truy cập của khách hàng, thông tin xác thực khách hàng khác cho bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào, trừ trường hợp được sự chấp thuận của khách hàng đó bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác theo thỏa thuận với khách hàng đó" (khoản 2 Điều 4).

Như vậy, từ căn cứ *Luật Các tổ chức tín dụng* năm 2024 và các văn bản hướng dẫn liên quan khẳng định chủ thể trực tiếp của thông tin bí mật của khách hàng trong hoạt động ngân hàng là của khách hàng, việc phải bảo mật thông tin khách hàng là nghĩa vụ bắt buộc tổ chức tín dụng phải tuân thủ.

3. Đánh giá việc triển khai thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động cung cấp thông tin khách hàng của các tổ chức tín dụng cho bên thứ ba

Hệ thống pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng của các tổ chức tín dụng đã tạo lập được hành lang pháp lý cho các chủ thể tham gia hoạt động ngân hàng thực hiện các quyền và nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng và được thực hiện như sau:

Thứ nhất, quy định rõ quyền và nghĩa vụ của tổ chức tín dụng, khách hàng và các chủ thể liên quan trong quan hệ pháp luật bảo mật thông tin của khách hàng.

(1) Đối với các tổ chức tín dụng: khi yêu cầu khách hàng cung cấp các thông tin để phục vụ cho hoạt động kinh doanh thì các tổ chức này phải có nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng, như: bảo đảm an toàn, bí mật thông tin khách hàng trong quá trình cung cấp, quản lý, sử dụng, lưu trữ thông tin khách hàng và cũng có quyền từ chối yêu cầu cung cấp thông tin cho bên thứ ba nhằm bảo đảm lợi ích của khách hàng theo quy định của pháp luật.

(2) Cơ quan nhà nước, tổ chức khác, cá nhân: nghĩa vụ giữ bí mật thông tin khách hàng, sử dụng thông tin khách hàng đúng mục đích khi yêu cầu cung cấp thông tin và không được cung cấp cho bên thứ ba mà không có sự chấp thuận của khách hàng, trừ trường hợp cung cấp theo quy định của pháp luật (khoản 4 Điều 4 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP). Theo đó, bên thứ ba là các tổ chức chuyên môn được tổ chức tín dụng thuê hoặc hợp tác với tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của các tổ chức này phải có nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin theo hợp đồng đã ký kết (Điều 13 Quyết định số 35/2006/QĐ-NHNN ngày 31/7/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về ban hành quy định về các nguyên tắc quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng điện tử).

(3) Đối với khách hàng: có nghĩa vụ cung cấp các thông tin theo yêu cầu của tổ chức tín dụng. Khi tham gia hoạt động ngân hàng, khách hàng có đặc quyền thông tin về tài khoản, giao dịch và một số thông tin khác phải được bảo vệ một cách hợp pháp, không bị xâm hại bởi bên thứ ba không có thẩm quyền tiếp cận thông tin (khoản 2 Điều 13 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP).

Như vậy, pháp luật hiện hành đã có những bổ sung kịp thời trong việc xác định quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ pháp luật bảo mật thông tin khách hàng. Việc quy định nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chủ thể của thông tin bí mật (khách hàng) thì chủ thể thứ ba (cơ quan nhà nước, cá nhân) có liên quan phải bảo mật thông tin khách hàng khi yêu cầu các tổ chức tín dụng cung cấp thông

tin của khách hàng trong hoạt động công vụ. Đây là cơ sở để khách hàng có thể bảo vệ lợi ích của mình khi bị các chủ thể thứ ba này xâm hại.

Thứ hai, bảo vệ tốt hơn quyền được bảo mật thông tin của khách hàng khi mở rộng phạm vi thông tin khách hàng. Pháp luật hiện hành ghi nhận những thông tin mà các tổ chức tín dụng phải bảo mật, đó là những thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại tổ chức tín dụng (khoản 2 Điều 14 *Luật Các tổ chức tín dụng* năm 2010; khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 3 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP). Hướng dẫn trên là phù hợp với quy định pháp luật có liên quan, như trường hợp một bên nhận được thông tin bí mật của bên kia trong quá trình giao kết hợp đồng thì có trách nhiệm bảo mật thông tin và không được sử dụng thông tin đó cho mục đích riêng của mình hoặc cho mục đích trái pháp luật khác (khoản 2 Điều 387 *Bộ luật Dân sự* năm 2015) và cần thiết nhằm bảo đảm quyền lợi của khách hàng khi giao dịch với tổ chức tín dụng.

Thứ ba, quy định các biện pháp pháp lý bảo vệ quyền lợi của khách hàng khi bị các chủ thể liên quan làm lộ hoặc cung cấp thông tin không đúng thẩm quyền. Việc thiết lập một cơ chế khiếu nại, khởi kiện để bảo đảm việc thực thi quyền được bảo mật thông tin khách hàng, thông qua kiểm tra việc bảo vệ thông tin khách hàng, buộc các chủ thể đó phải thực thi nghĩa vụ bảo mật thông tin của khách hàng. Đồng thời, giúp cho khách hàng bảo vệ lợi ích của chính mình khi thông tin bị tiết lộ.

Thứ tư, chế tài xử lý vi phạm liên quan khi thông tin khách hàng bị tiết lộ không đúng thẩm quyền. Việc quy định các chế tài xử lý vi phạm là một trong những cách thức bảo đảm thực hiện các quy định pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng mang tính răn đe, trừng phạt đối với người vi phạm, qua đó, góp phần ngăn ngừa, hạn chế tình trạng vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin gây tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và sự an toàn của hoạt động ngân hàng. Pháp luật hiện hành quy định rõ hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng có thể dẫn đến những thiệt hại ở những mức độ khác nhau.

(1) Về chế tài dân sự, Điều 351, 361, 364, 584 *Bộ luật Dân sự* năm 2015 đã quy định chế tài bồi thường do vi phạm nghĩa vụ, cách xác định trách nhiệm dân sự đối với những chủ thể vi phạm. Đây là cơ sở để pháp luật ngân hàng quy định nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của chủ thể nắm giữ thông tin khách hàng nói chung và nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho khách hàng nói riêng.

(2) Về chế tài hành chính, văn bản pháp luật hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng là Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, tùy thuộc vào tính chất, mức độ vi phạm, người bị vi phạm.

(3) Về chế tài hình sự, *Bộ luật Hình sự* năm 2015 đã có ghi nhận về việc xử lý những hành vi vi phạm quy định tiết lộ thông tin của khách hàng về tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng tại (Điều 291); tội cố ý làm lộ bí mật công tác (Điều 361); tội vô ý làm lộ bí mật công tác (Điều 362)... Điều 17 *Luật An ninh mạng* năm 2018 quy định về phòng, chống gián điệp mạng, bảo vệ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trên không gian mạng; đồng thời quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước.

4. Khuyến nghị một số giải pháp về trách nhiệm bảo vệ nghiêm ngặt thông tin khách hàng

Một là, cần tuân thủ các quy tắc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng khi

tham gia hoạt động ngân hàng và chỉ được cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bên thứ ba khác theo quy định tại *Luật Các tổ chức tín dụng,* Nghị định số 117/2018/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Về nguyên tắc, ngân hàng có trách nhiệm bảo mật toàn bộ thông tin của khách hàng và chỉ cung cấp trong giới hạn một số thông tin mà pháp luật cho phép theo yêu cầu của cơ quan nhà nước hoặc cho bên thứ ba khi được khách hàng đồng ý. Do đó, rất cần bảo mật thông tin khách hàng, đồng thời trên cơ sở được lập thành các quy định nội bộ sẽ làm căn cứ để áp dụng thống nhất trong hệ thống ngân hàng.

Hai là, bên cạnh việc bảo vệ thông tin của khách hàng cần thiết phải tối ưu hóa các biện pháp kỹ thuật, công nghệ để cải thiện chất lượng bảo mật thông tin của ứng dụng fintech. Với các ứng dụng này có tác động đến quyết định sử dụng ứng dụng cũng như duy trì niềm tin của khách hàng, đồng thời, hạn chế sự tấn công của các hacker. Do đó, cần chú trọng nâng cấp các ứng dụng, áp dụng các biện pháp quản lý chặt chẽ thông qua lập trình, tăng cường cách xác thực thông tin khách hàng qua số điện thoại di động, mật khẩu một lần, xác thực hai yếu tố, mã sinh trắc học (dấu vân tay, nhận diện khuôn mặt…), mã hóa mã số định danh khách hàng, đặc biệt ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để xử lý kịp thời các dấu hiệu tấn công của các phần mềm độc hại vào hệ thống bảo mật thông tin của ứng dụng.

Ba là, đẩy mạnh cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin trong hệ thống ngân hàng giúp thích nghi kịp thời với sự thay đổi của các ứng dụng fintech. Các ứng dụng có công nghệ càng kém thì sẽ càng dễ bị tấn công. Vì vậy, để quản lý hiệu quả thông tin bảo mật của khách hàng, cần sử dụng mạng thông tin tin cậy cũng như hình thành các bức tường lửa nhằm bảo đảm an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng, trong đó cần chú trọng lấy khách hàng làm trọng tâm, nghiên cứu sử dụng các công nghệ đám mây để lưu trữ, cam kết cung cấp nền tảng số an toàn và có các biện pháp thích hợp để quản lý tốt tài sản công nghệ thông tin, nguồn nhân lực và an toàn về môi trường nơi lắp đặt các trang thiết bị công nghệ thông tin, quá trình vận hành, truy cập và sử dụng dịch vụ công nghệ thông tin của bên thứ ba.

Bên cạnh đó, cần đáp ứng với các tiêu chuẩn quốc tế, đầu tư nâng cấp để có thể hoạt động tương thích với nhau, góp phần hạn chế rủi ro công nghệ trong bảo mật thông tin khách hàng cũng như bảo vệ an toàn hoạt động ngân hàng và hướng tới xây dựng và niềm tin của các đối tượng trong hoạt động ngân hàng trên hành trình chuyển đổi số❐

Tài liệu tham khảo:

1. Chính phủ (2018). *Nghị định số 117/2018/NĐ-CP ngày 11/9/2018 của Chính phủ về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*

2. Chính phủ (2019). *Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.*

3. Quốc hội (2015). *Bộ luật Dân sự* năm 2015.

4. Quốc hội (2015). *Bộ luật Hình sự* năm 2015.

5. Quốc hội (2015). *Bộ luật Tố tụng dân sự* năm 2015.

6. Quốc hội (2015). *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015.

7. Quốc hội (2013). *Hiến pháp* năm 2013.

8. Quốc hội (2015). *Luật An toàn thông tin mạng* năm 2015.

9. Quốc hội (2010, 2024). *Luật Các tổ chức tín dụng* năm 2010, 2024.

10. Quốc hội (2012). *Luật Xử lý vi phạm hành chính* năm 2012.

11. Nguyễn Thị Kim Thoa (2019). *Bàn về pháp luật bảo mật thông tin khách trong hoạt động ngân hàng*. Tạp chí Ngân hàng (20), tr. 32 - 37.